TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ N **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 87/2023/HNGĐ-ST
Ngày 21 - 7 - 2023
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ N - TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Ái Vy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phan Mai Minh Khánh;

2. Bà Trần Thị Hiến

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Gia Linh - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã N, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Bích Thảo - Kiểm sát viên

Ngày 21 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã N xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 144/2023/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2023 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 84/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 74/2023/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2023, giữa:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Thu T** - sinh năm 1988
Địa chỉ: Thôn Đ - xã P - thị xã N - Khánh Hòa.
Có đơn xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông **Trương Quốc D** - sinh năm 1991
Địa chỉ: Thôn 3 - xã S - thị xã N - Khánh Hòa.
Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản hòa giải nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu T trình bày:

Bà và ông Trương Quốc D tự nguyện yêu thương, chung sống với nhau từ năm 2015 nhưng đến năm 2018 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, thị xã N. Thời gian đầu vợ chồng sống có hạnh phúc nhưng đến năm 2022 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông D thay đổi tính tình không lo làm ăn mà ham chơi cá độ đá banh, số đề, đá gà và không quan tâm, chăm sóc gia đình. Mặc dù bà đã cố gắng chịu đựng nhưng ông D vẫn không khắc phục nên vợ chồng không thể hòa hợp được và đã không chung sống với nhau từ năm 2022 cho đến nay. Bà xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết

được ly hôn với ông D. Về con chung: không có. Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Bị đơn ông Trương Quốc D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến tham gia giải quyết vụ án. Tòa án đã thực hiện việc niêm yết các văn bản tố tụng đối với bị đơn theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã N phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng nguyên đơn đều thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; riêng bị đơn ông Tuấn không chấp hành theo đúng trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà T. Bị đơn ông Trương Quốc D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lí do nên đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt ông D theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Xét thấy quan hệ hôn nhân của bà T và ông D đã mâu thuẫn trầm trọng nên đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Bà T được ly hôn ông D theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Không có nên đề nghị không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà T xác định không có nên đề nghị không xem xét.

Về án phí: Bà T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bà T. Bị đơn ông Trương Quốc D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt ông D.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp về hôn nhân và gia đình giữa bà Nguyễn Thị Thu T và ông Trương Quốc D thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Khánh Hòa theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thu T và ông Trương Quốc D tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, thị xã N *(giấy chứng nhận kết hôn số 03, ngày 09/01/2018)* đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống với nhau giữa bà T và ông D đã phát sinh mâu thuẫn kéo

dài không được khắc phục, làm ảnh hưởng lớn đến tình cảm dẫn đến bà T không còn chung sống với ông D và yêu cầu ly hôn. Đối với ông Trương Quốc D mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng ông không đến Tòa nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải được, qua đó cũng chứng minh được ông D không còn tình cảm với bà T và không mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa bà T và ông D đã thực sự trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T là hoàn toàn phù hợp.

[4] Về con chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà T xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Bà T phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Xét về quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã N là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51; Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Bà Nguyễn Thị Thu T được ly hôn ông Trương Quốc D.

2. Về con chung: Không có.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thu T nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ mà bà T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2022/0000708 ngày 07/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã N. Bà T đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thị xã N;
- Chi cục THADS thị xã N;
- UBND xã P, thị xã N;
(nơi đăng ký kết hôn)
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Đặng Thị Ái Vy

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Chuyển **Trần Thị Hiến** **Đặng Thị Ái Vy**

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thị xã N;
- Chi cục THADS thị xã N;
- UBND xã Ninh Thân, Ninh Hòa;
(nơi đăng ký kết hôn)
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án

Đặng Thị Ái Vy

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Truyền **Nguyễn Chung** **Đặng Thị Ái Vy**

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hoa **Nguyễn Lơn** **Đặng Thị Ái Vy**

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Ái Vy

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thị xã N;
- Chi cục THADS thị xã N;
- UBND xã Ninh Thọ, Ninh Hòa;
(nơi đăng ký kết hôn)
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án